

## NGÔN NGỮ VỚI VĂN CHƯƠNG

TÌNH YÊU CỦA CÁI “GIỐNG NGƯỜI” TRONG HIỆN TẠI  
VÀ TÌNH YÊU TRIẾT LÍ

VŨ VĂN LĂNG

(ThS, Thành phố Hồ Chí Minh)

Trong *Sống mòn*, tại Chương XV [18, tr. 274-283] có một cuộc tình diễn ra tại nhà ông Học, chủ cho thuê nhà, đại ý như sau:

Chị nọ lấy chồng làm bếp tại Hà Nội, chồng bị mất việc về quê hơn nửa tháng, chị đi lấy anh xe (người đang ở mượn tại nhà ông Học) làm chồng. Người chồng cũ tìm đến để xác minh sự việc và nếu đúng thì để đòi lại ba chục bạc đã đưa cho chị sắm quần áo (theo lời anh ta). Theo lời Mô (người ở giúp việc các nhà giáo trong cái trường tư của Oanh và Dích) thì cánh của người chồng cũ đang tìm anh xe để đánh, và anh xe đã cố trốn đi.

Trước sự việc đó, ông Học, người chồng cũ, anh xe và anh thanh niên Mô đã có giải pháp rất thực tế, sòng phẳng, và có hiệu quả rõ rệt hợp với lương tâm con người đương thời. Để dễ làm việc, chúng tôi tạm gọi đó là quan niệm về **tình yêu của cái “giống người” trong hiện tại**.

Nhân việc đó diễn ra, các nhà giáo Thứ, Oanh và San trao đổi về tình yêu như là một thứ triết lí, lời qua tiếng lại rất dài dòng và không tránh được những lời châm chọc đối với người không có quan điểm giống mình. Chúng tôi tạm gọi đây là thứ **tình yêu triết lí**.

### 1. Tình yêu của cái “giống người” trong hiện tại (thuở ấy)

Trước sự việc nêu trên ông Học (chủ nhà cho thuê), anh chồng cũ, anh xe (chồng hiện tại) và thanh niên Mô đều có ý kiến và giải pháp cụ thể, mỗi người diễn đạt hay thực hiện theo cách của mình, nhưng tựu trung họ thống nhất với nhau thành một khối. Họ không cần phải tranh biện với nhau như các nhà trí thức Thứ, Oanh, San để tìm giải pháp.

#### (1.1)(i) “Quan điểm” của ông Học (người cho thuê nhà)

Về chuyện chị ta lấy chồng khác, ông Học chủ nhà bảo : “Không lấy thì thôi, thiếu gì con gái mà anh phải tiếc. Tôi ấy à ! Nói khỉ vô phép chứ vợ tôi mà thế thì mấy tôi cũng không lấy nữa. *Làm tài trai thiếu gì ?*”.

Về tiền đưa cho người vợ cũ, ông Học cũng giải quyết rất rành mạch: “Còn nghĩ ngợi gì! *Tiền giai đưa gái* có đòi được cái đêch người ta. Và lại anh đưa cho chị ta cũng chẳng có tờ chữ gì, có hiểu không. Thà rằng anh chịu mất cho xong có hiểu không. Nhưng mà người đàn bà thế cũng bạc. Đã lấy tiền của người ta, đã ngủ với người ta, như thế là vợ chồng rồi. Người ta chết còn phải đợi đúng ba năm, hưởng chi người ta mới về nhà quê mười mấy ngày giời. Thế mà đã mặt mũi nào mà đi lấy chồng khác được.”

Có thể phân tích lời ông Học như sau:

Trong câu đầu nói về chuyện mất vợ, ông Học đã khéo léo an ủi người chồng cũ bằng câu tục ngữ “Trai tài gái sắc”.

Trong câu sau nói về tiền, ông đã phân tích tình thế của anh chàng mất vợ một cách rành rẽ:

Về tình mà nói thì “Bắc thang lên hỏi ông giời, Tiền đem cho gái có đòi được không”. (Tục ngữ)

Về pháp lí thì anh đưa tiền “cũng chẳng có tờ chữ gì”.

Thế là cả về tình lẫn về lí anh chồng cũ đều thất thế, cho nên ông mới kết luận “Thà rằng anh chịu mất cho xong có hiểu không”. (“Có hiểu không” tức là có thấy rõ là anh không còn con đường nào khác nữa ?!)

Thế nhưng, cũng là để an ủi người bất hạnh, ông quay lại nói như mắng người đàn bà bạc (= “bạc tình”; trong con mắt ông Học) kia. Và, khi chị kia toan cãi, thì ông “phải nói lấp

đi” (chữ dùng của Nam Cao”, cho nó xong chuyện.

Như đã thấy ông Học không triết lí dài dòng chỉ dùng ‘nhân tình thế thái’ (qua tục ngữ) và lí sự (qua giấy tờ) để dàn xếp công việc, thêm vào đó ông cũng biết an ủi người bất hạnh một cách thoả đáng. Vậy là ông Học đã “vừa đám vừa xoa”, ai mà chẳng phải nghe theo, thật là tuyệt !

Hơn nữa, ông còn biết “kết thúc” cái việc rắc rối này một cách chóng vánh bằng câu “Tôi cho anh năm phút nữa thôi, có hiểu không”.

Mặt khác, trong khi giải quyết việc anh chàng mất vợ, ông còn bảo “nói khí vô phép” là vô phép với ai? Chắc hẳn không phải là vô phép với anh chàng mất vợ này, vì anh ta là người bề dưới và chẳng có địa vị gì. Thực ra ông nói “vô phép” là vô phép với chính bà Học vợ ông, vì đoạn sau ông phải đưa bà ra để làm ví dụ một cách chẳng dễ chịu chút nào. Về phép lịch sự, lấy bà Học làm ví dụ như thế là ông đã thiếu tôn trọng thể diện của bà. Cho nên lời “nói khí vô phép” của ông là không thể thiếu được. Như vậy, nhờ mà bà Học có nghe thấy ông nói gì thì cũng không can chi.

Thế mới hay, Nam Cao đã chuẩn bị cho nhân vật này một cách thật chu đáo, cho lời lẽ của ông ta thật ‘kín cạnh’, không để hở một khe nào: có tình, có lí đối với đối tác, có chú ý đến phép lịch sự đối với người nhà! Nam Cao cho ông Học ‘đóng vai một người từng trải’ đúng với tuổi tác của ông, đúng với kinh nghiệm sống của ông.

### 1.2. “Quan điểm” của người chồng cũ

Trước hết phải nói đến thái độ của anh chồng cũ : tại sao đã tìm được chỗ ở của vợ mình mà lại không dám vào?. Trước hết cần tìm hiểu xem anh ta là ai. Theo lời anh ta, anh cũng thuộc vào lớp người “làm xe, làm bếp”. Thế thì anh không dám vào có lẽ vì anh chưa biết cái anh chồng mới này thế nào, và người đàn bà kia sẽ bênh vực ai, e rằng vào nhà không khéo lại bị “thượng cẳng tay hạ cẳng chân” thì khôn.

Sau khi ông Học không gọi được cô Mơ (vợ vừa qua của anh), bảo anh vào, anh không

vào, bảo anh nhấn đề ông Học nói lại, anh cũng không nhấn được, anh mới bộc bạch:

- Bầm cụ, chẳng giấu gì cụ, cô ta đã nhận lời lấy con rồi; vợ chồng đã thuê nhà ở với nhau, cô ấy lại đã nhận của con ba chục bạc để may vá nọ kia. Thế mà con mất việc, phải về nhà quê mới có hơn nửa tháng, đến nay ra đã nghe tiếng cô ấy đi lấy chồng rồi. Con tưởng cô ấy lấy được ai giỏi giang hơn con, chứ cũng thẳng xe, thẳng bếp, mà lại phải lấy làm hai. Lấy con làm một thì cô ấy không thêm lấy !...

Sau lời góp ý của ông Học, anh nói tiếp với ông Học về sự cần thiết của anh.

- Vâng thì con có thiết đâu? Con chỉ có ý đến hỏi cô ta xem có thật cô ta đã lấy chồng khác rồi không. Bởi vì con chỉ mới nghe tiếng thế thôi chứ đã giáp mặt cô ta đâu. Mà nếu quả thật cô ta đã có chồng khác rồi thì cô ta nghĩ cho con thế nào cái chỗ ba mươi đồng bạc.

Như vậy, xét cả thái độ nói trên kia cùng cách xử sự có phần mềm mỏng vừa nêu, có thể thấy anh chồng cũ cũng còn chút lưu luyến, cũng muốn níu kéo người đàn bà trở lại, nên không mắng chửi cô ta cho hả giận rồi bỏ đi (và về sau hai người lại ở với nhau). Tuy nhiên, cái cơ của anh cũng không kém phần quan trọng, đó là ba mươi đồng bạc (dễ chừng có thể bằng hàng chục triệu ngày nay!) cô ta đã nhận (nếu xử đúng “luật bất thành văn” thì cô không lấy anh nữa, cô phải hoàn lại khoản tiền đó, không trọn vẹn cũng phải có một phần nhất định vì khoản tiền đó lớn hơn nhiều so với những ngày cô ở với anh ta).

### 1.3. “Quan điểm” của anh xe (chồng hiện tại) của người đàn bà đã có chồng

Vài ngày sau khi người đàn bà bỏ chồng cũ theo chồng mới đã vì ông Học “nói nhiều và tệ lắm” (lời của Nam Cao) đến phải bỏ đi thì anh chồng hiện tại đến nói chuyện với ông Học: “Con không biết nó đã có chồng. Nó bảo con rằng chưa lấy ai. Nếu con biết như thế này thì chả đời nào con lấy nó. Thưa cụ, một cái đất Hà Nội này thiếu gì con gái mà con phải cướp vợ người ta”.

Tất nhiên anh chàng này còn có việc khác quan trọng hơn để nói với ông Học, đó là chuyện xin lại tiền đôi chiếu, nhưng chuyện

này không quan hệ đến chuyện vợ nọ chồng kia này.

Thế đấy, người trong cuộc nhìn vẫn đề cũng chẳng có gì là phức tạp, nó giản đơn đến lạ lùng theo con mắt của những người ‘triết lí hoá’ tình yêu : nhớ lấy chỉ vì không biết, chứ biết thì “chả đời nào lấy”. (Lấy vợ hai thuở ấy là chuyện bình thường !)

#### 1.4. “Quan điểm” của Mô (người ở trẻ tuổi giúp việc cho các nhà giáo)

Thằng Mô là một thanh niên vừa lấy vợ. Mô biết chuyện anh xe lấy người đàn bà đã có chồng làm vợ và anh chồng cũ đã tìm ra người vợ của mình. Mô cho biết “cánh thẳng chồng cũ con kia đang định đón đường để đánh cho nó (= anh xe) một trận thật nhừ tử”. Khi Thứ hỏi Mô có bệnh anh xe không, Mô chẳng cần nghĩ ngợi gì, nói luôn :

- Thưa cậu, đánh bỏ mẹ nó đi chứ bệnh gì ? Cho nó chừa cái thói chim vợ người ta! Chúng con đón nó mấy hôm nay rồi, nhưng nó biết, không dám bén mảng đến cái vùng này nữa. [...]

Có phải là vì Mô mới lấy vợ và quá yêu vợ, mới nói thế ? Muốn trả lời câu hỏi này, người phân tích phải làm một bài tính cộng, xem những ai có cùng quan điểm với Mô. Nam Cao đã làm việc này một cách có tính toán. Tác giả đã chọn 3 lớp người trong khoảng tuổi liên quan đến chuyện vợ chồng.

- Một ông già từng trải việc đời, đã sống với vợ sắp tròn kiếp người.

- Một anh trung niên đã “lấy nhầm” một người đàn bà đang có chồng, và lấy làm vợ hai, tức là người cũng thừa kinh nghiệm trong việc này.

- Một chàng trai mới cưới vợ và sắp có con.

Cả ba người đàn ông này đều theo chung một ý nghĩ : “Người đàn ông đi lấy vợ hay “chim” vợ của người khác là đáng lên án (“đánh cho bỏ mẹ nó đi!”). “Người đàn bà đã có chồng mà tăng tịu với người đàn ông khác, lại còn chính danh làm vợ người khác, là đáng khinh”.

Chỉ giản đơn có thế, cái “thế” của “thời ấy” nó là như vậy! Dù có triết lí bao nhiêu đi nữa thì cũng không thể khác được! Bởi lẽ trong việc này “dại đàn hơn khôn độc”! Vấn đề là ở cái gọi

là “dư luận xã hội”! Mà chúng ta biết rằng hồi ấy chuyện lấy vợ lấy chồng không phải làm giấy “đăng kí kết hôn”, chỉ cần chấp nhận ở với nhau có “ăn ngủ” với nhau thì đã là trai có vợ, gái có chồng.

#### 2. Tình yêu triết lí

Sự việc nêu trên bỗng trở thành đề tài cho các nhà giáo bàn về tình yêu.

Thứ hỏi Oanh rằng “Có người đàn bà nào, suốt cả đời chỉ nghĩ đến một người đàn ông không?”. Oanh cho rằng đàn ông ích kỉ, trong khi mình có hai ba vợ và hơn nữa, mà lại “muốn bắt vợ các ông phải trình tiết với các ông đến cả trong ý nghĩ!”.

Và Oanh lại thách thức tiếp : “Các ông hãy hỏi ngay các ông ! Các ông có thể trung thành với vợ cả đến trong ý nghĩ hay không?

Thứ ngượng và nói như là thừa nhận rằng Oanh đúng.

San ngồi đấy buộc phải lên tiếng với nội dung cho rằng tất nhiên là ích kỉ, mà cả hai bên đàn ông và đàn bà đều ích kỉ, mà sự ích kỉ này là do “Giời sinh ra thế”, cho nên “Khoa học có thể tiến, loài người có thể văn minh, luân lí, luật pháp có thể ít bố buộc hơn, nhưng về tình yêu thì đến ngàn, vạn năm sau vẫn vậy: người ta vẫn ích kỉ, vẫn ghen tuông, vẫn muốn giữ độc quyền, vẫn không thể chịu được một cái tình yêu chia sẻ. Con cháu chúng ta sẽ vẫn băn khoăn, đau khổ vì yêu như chúng ta bây giờ và như tổ tiên ta ngày trước”.

Thứ phản đối San và cho rằng “Tình yêu đã thay đổi nhiều lần, chứ không phải từ ngày xưa ngày xưa vẫn thế này đâu”. Để tăng thêm sức mạnh, Thứ dẫn hiện thực “Dưới chế độ mẫu quyền, đàn bà có thể có rất nhiều chồng, mà sao những ông chồng ấy không ghen, không đâm chém nhau ? [...] Có lẽ ngày nay về bất cứ cái gì, người ta cũng thích co quắp lấy làm của riêng mình mãi mãi rồi, đã quen đi, nên về tình yêu, người ta cũng muốn có quyền sở hữu như về mọi cái. **Chế độ tạo ra lòng người.**” (Phản nhấn mạnh do chúng tôi thực hiện).

Thứ và San vẫn tiếp tục thảo luận, để rồi tác giả cho Thứ phát biểu như là kết luận: “Đó là tại thói quen. Không phải cái thói quen của riêng mình, nhưng mà là cái thói quen lưu truyền đã

mấy đời, đến nỗi nó đã nhập vào máu chúng ta. Tư tưởng, tính tình, cảm giác, hành động của chúng ta đều khuôn theo những thói tục. Những lẽ lối sẵn trong thời đại của chúng ta. **Thời thế đổi, lòng người đổi.** Thế kỉ sau sẽ lọc cho máu chúng ta trong trẻo lại.” (Phần nhấn mạnh do chúng tôi thực hiện).

Nói thế rồi nhưng Thứ vẫn thờ dài nghĩ bụng: “Nhưng tại sao ta lại không thể nghĩ đến chuyện lọc máu ta ngay từ giờ?...”

Câu hỏi thầm với mấy cái chấm lửng kèm theo đó cũng là cái dấu chấm hết một chương, chương XV. Có thể coi đó là câu kết, nó thật đầy ý nghĩa, nó gợi ra những suy diễn tiếp theo, và đó là việc của nhà phân tích.

Theo dõi cuộc tranh luận chúng ta thấy rằng :

- Oanh đòi quyền bình đẳng trong tình yêu, điều đó chứng tỏ rằng đang có sự bất bình đẳng, mà phần thiệt thuộc về nữ giới. Cái mà Oanh đòi hỏi là người đàn bà cũng có quyền quan hệ với đàn ông ngoài hôn nhân, như thực trạng của người đàn ông vậy. (Đàn ông có nhiều thứ, nhưng bất đàn bà phải trung thành với họ cả trong ý nghĩ!)

- San, từ phía nam giới, nhận định rằng cả hai bên đều ích kỉ và bao giờ cũng vậy, không thể thay đổi được.

- Thứ tự nghiệm bản thân mình và nhận ra điều thứ nhất là có sự bất bình đẳng ấy (tức tán thành Oanh), điều thứ hai là thấy mình cũng ghen vợ (tức là tán thành ý thứ nhất của San). Nhưng Thứ cho rằng do thói quen của thời đại, “thời đại đổi, lòng người đổi” (tức là không tán thành ý thứ hai của San).

Còn câu hỏi cuối cùng của Thứ là một nỗi băn khoăn: Đúng ra thì phải như vậy, nhưng mà không dễ thực hiện vì ngay chính mình bây giờ cũng không thể bắt đầu làm như vậy.

Đó là một hàm ý. Hàm ý này không phải là sự đoán mò mà là có thể đoán định được do sự đụng độ giữa phương châm về chất (nói điều mình tin là đúng hay chứng minh được) trong nguyên tắc cộng tác với hiện thực khách quan là tâm lí thực tế của con người – ngay cả người nói cũng thấy rằng không dễ thực hiện (“tại sao ta lại không thể nghĩ đến chuyện lọc máu ta ngay từ giờ?”). Nói cách khác Thứ đã nói ra một điều

mà chính anh cũng không chứng minh được, như vậy là điều Thứ mong gần như là “không tưởng” tại thời điểm đó.

### 3. Đối chiếu tình yêu của “giống người” với tình yêu triết lí

Nam Cao đã khéo chọn bốn người đàn ông thuộc về ba thế hệ nối tiếp khác nhau, đó là ông Học người từng trải (chủ cho thuê nhà), một người trung niên đã có vợ cả và còn thêm vợ hai (anh xe), một trung niên khác lấy vợ muộn (người chồng cũ của người đàn bà), một thanh niên vừa lấy vợ (người ở giúp việc tên là Mô). Trong chuyện này, họ có tư cách đại diện cho phía đàn ông để nhìn sự việc. Và, như đã thấy, họ nhất trí với nhau trong cách nhìn và cách giải quyết vấn đề.

Ông già mà có quan điểm đó thì có nghĩa là cái “thời thế đó đã có từ lâu”; còn người thanh niên mà đồng ý với quan điểm đó thì cũng tức là “thời thế đó còn lâu mới đổi”.

Bốn người đàn ông của thời ấy có chung một quan điểm rõ ràng. “Thời thế” lúc bấy giờ là :

- Đàn ông (có vợ hay chưa có vợ) đi “chìm” đàn bà đã có chồng thì “đánh bỏ mẹ nó đi”.

- Đàn bà đã có chồng mà bỏ chồng đi lấy người khác hay tăng tịu với người khác thì “cái giống nó đã đi như thế thì còn lấy làm gì”.

- Còn người đàn bà nọ thì rõ ràng thấy mình sai trái (chạy trốn chồng cũ) và sau này trở lại với anh ta như là một cách sửa sai. Điều này chứng tỏ rằng đám đàn ông kia là “lẽ phải” của thời thế.

(Cả hai ý trừng phạt đều lấy từ lời của Mô, đại diện cho lớp trẻ bình dân, cũng có nghĩa là **đời còn lâu mới đổi!**). Như vậy, nếu có pháp luật can thiệp thì sẽ có chế tài thay cho việc “đánh bỏ mẹ nó đi” trong quan hệ với đàn ông và, một cách tương tự, thay cho việc “vứt mẹ nó đi” (ý lấy từ lời của các nhân vật đàn ông thườ ầy) trong quan hệ với đàn bà! Chỉ giản đơn có thế thôi!

Các nhà triết lí rồi cũng đi đến cái kết luận mà Thứ là người đại diện nói như trong phần trích sau đây :

- [...]. Tư tưởng, tính tình, cảm giác, hành động của chúng ta đều khuôn theo những thói

tục. Những lẽ lỗi sẵn trong thời đại của chúng ta. Thời thế đổi, lòng người đổi. [...]

Tuy nói như vậy, Thứ vẫn nghĩ bụng : “Nhưng tại sao ta lại không thể nghĩ đến chuyện lọc máu ta ngay từ giờ ?...” (Hết trích)

Vậy thì, “thời thế” lúc bấy giờ nó là như thế”, “lòng người phải như thế”. Có nghĩa là giải pháp của bốn người đàn ông trên là đúng. Cho nên, nếu không tính đến cái ý nghĩ riêng cuối cùng của Thứ, thì cuộc triết lí về tình yêu kết thúc chẳng khác gì ‘quan điểm’ và thực tế hành xử của bốn người đàn ông ít chữ kia.

Ý nghĩ cuối cùng của Thứ thực ra là rất khó thực hiện. Đã thừa nhận rằng thời thế đổi, lòng người đổi, vậy thì phải thay đổi thời thế trước. Điều này từ trước đến nay chỉ có cách mạng mới làm được (như từ nô lệ chuyển sang phong kiến, rồi từ phong kiến chuyển sang tư bản... đều là như vậy), kể cả trong phạm vi của việc đang bàn. Cho nên cái tiếng TA trong ý nghĩ của Thứ là một câu hỏi lớn ! Còn ở thời đại của Thứ thì chưa có cái gì liên quan đến tình yêu có thể thay đổi được.

Ý của Thứ gợi cho chúng ta một vấn đề: Thế thì ngày nay, đã qua gần 70 năm, “máu ta đã được lọc” đến đâu rồi? Người đàn ông (không cứ phải là chồng) còn ghen đàn bà không? Có chấp nhận việc người đàn bà “nghĩ” đến người đàn ông khác không? Trả lời các câu hỏi này được là xác định được độ “không tương” trong ý nghĩ của Thứ.

\*\*\*

Một vài mẫu phân tích làm ví dụ trên đây, hi vọng sẽ góp sức nhận ra được phần nào cái ‘ý nghĩa thế nào?’ của diễn ngôn trong phần trích đó, không chỉ dừng lại ở cái ‘ý nghĩa gì?’ chứa trong nó như vốn có từ trước.

#### Tài liệu tham khảo

1. Cao Xuân Hạo, *Tiếng Việt, mấy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa*. 1998, Nxb Giáo dục.
2. Diệp Quang Ban, *Về mạch lạc trong văn bản*. Trong tạp chí Ngôn ngữ (Hà Nội), 1989, s. 4, tr. 47-55).

3. Diệp Quang Ban, *Giao tiếp, văn bản, mạch lạc, liên kết, đoạn văn*. 2002, Nxb Khoa học xã hội.

4. Diệp Quang Ban, *Tìm hiểu phân tích diễn ngôn phê bình*. Trong tạp chí Ngôn ngữ (Hà Nội), 2007, s. 8, tr. 45-55.

5. Diệp Quang Ban, *Giao tiếp diễn ngôn và cấu tạo của văn bản*. 2009, Nxb Giáo dục.

6. Diệp Quang Ban, “Giới thiệu sơ bộ: *Phê bình ngôn ngữ học – sự nối kết ngôn ngữ học và văn học trong giai đoạn sau cấu trúc luận và kí hiệu học*”. Trong tạp chí Ngôn ngữ (Hà Nội), 2010, s. 7, tr. 1-10.

7. Đỗ Hữu Châu, *Đại cương ngôn ngữ học, Tập 2. Ngữ dụng học*. 2001, Nxb Giáo dục.

8. Nguyễn Đức Dân, *Dụng học*. 1998, Nxb Giáo dục

9. Nguyễn Hoà, *Phân tích diễn ngôn: Một số vấn đề lí luận và phương pháp*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

10. Nguyễn Hoà, *Phân tích diễn ngôn phê phán: Lí luận và phương pháp*. 2006, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

11. Nguyễn Quang, “*Các chiến lược lịch sử đương tính trong giao tiếp*”. Trong tạp chí Ngôn ngữ (Hà Nội), 2002, s. 11, tr. 48-55, s. 13, tr. 28-41.

12. Nguyễn Thái Hoà, *Những vấn đề thi pháp của truyện*. 2000, Nxb Giáo dục.

13. Nguyễn Thị Việt Thanh, *Hệ thống liên kết lời nói tiếng Việt*. 1999, Nxb Giáo dục.

14. Nguyễn Thiện Giáp, *Dụng học Việt ngữ*. 2000, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.

15. Phạm Văn Tình, *Phép tính lược và ngữ trực thuộc tính lược trong văn bản liên kết tiếng Việt*. 2001 (Luận án tiến sĩ).

16. Trần Ngọc Thêm, *Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt*. 1999 (in lần đầu 1985). Nxb Giáo dục.

17. Trần Ngọc Thêm, *Những vấn đề về tổ chức ngữ pháp-ngữ nghĩa của văn bản*. (Tóm tắt luận án tiến sĩ khoa học, bằng tiếng Nga).

#### NGUỒN TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

18. Nam Cao, *Sống mòn*. Trong Nam Cao, Tác phẩm, Tập II, tr. 131-344. 1977, Nxb Văn học, Hà Nội.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 30-08-2010)